

TRAO ĐỔI CHÍNH SÁCH**KINH NGHIỆM CHÂU Á VỀ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY
NHẬP CÔNG NGHỆ VÀO CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

TS. Hoàng Xuân Long¹
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Tóm tắt:

Thành công trong nhập công nghệ của một số nước đang phát triển ở châu Á gắn liền với nỗ lực xây dựng và thực thi các chính sách có liên quan. Nổi bật là các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nhập công nghệ, khuyến khích bên ngoài chuyển giao công nghệ vào trong nước, quản lý nhập công nghệ, nâng cao năng lực nhập công nghệ trong nước. Đồng thời, có những sự linh hoạt nhất định trong chính sách về nhập công nghệ.

Từ khóa: Chính sách KH&CN; Chính sách nhập công nghệ; Doanh nghiệp.

Mã số: 16061001

Công nghệ nhập đã mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho các nước đang phát triển như nâng cao sức cạnh tranh kinh tế, góp phần phát triển các ngành nghề mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, giải quyết việc làm, thúc đẩy xuất khẩu,... Những thành công có được từ nhập công nghệ đã gắn liền với sự nỗ lực to lớn của các nước, trong đó có phần đóng góp quan trọng của các chính sách về nhập khẩu công nghệ. Trên thực tế đã có một số chính sách nổi bật được các nước đang phát triển ở châu Á chú ý và áp dụng thành công.

1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nhập công nghệ

Chính sách của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nhập công nghệ từ bên ngoài được thể hiện rõ ở một số nước trên các khía cạnh cụ thể:

- *Chính phủ can thiệp vào hợp đồng chuyển giao công nghệ nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.* Khi Hàn Quốc còn là một nước đang phát triển, Chính phủ nước này từng can thiệp vào những hợp đồng chuyển giao công nghệ công nghiệp chính để tăng cường năng lực của người

¹ Liên hệ tác giả: hoangxuan_long@yahoo.com

mua trong nước, tối đa hóa sự tham gia của các nhà tư vấn trong nước và giảm giá công nghệ.

Chính phủ Malaysia quản lý trực tiếp và toàn diện công tác nhập khẩu công nghệ thông qua các quy định khuyến khích chuyển giao công nghệ, nhất là về thuế ưu đãi trong đầu tư (nước này không có luật riêng về chuyển giao công nghệ). Theo chính sách và hướng dẫn về chuyển giao công nghệ công nghiệp, Malaysia quy định, đối với tất cả các dự án sản xuất được cấp giấy phép đầu tư theo Luật Điều phối Công nghiệp năm 1975 hoặc được cấp ưu đãi theo Luật Khuyến khích Đầu tư năm 1986, các hợp đồng chuyển giao công nghệ cho các dự án phải được Bộ Công nghiệp và Thương mại chấp thuận bằng văn bản trước khi ký kết với các đối tác nước ngoài. Điều này nhằm đảm bảo các hợp đồng chuyển giao công nghệ không có các điều khoản áp đặt thiếu công bằng hoặc gây bất lợi cho bên nhận công nghệ hoặc làm phương hại đến lợi ích của quốc gia, các khoản thanh toán phí chuyển giao công nghệ phải tương xứng với trình độ hoặc dạng công nghệ công nghiệp được chuyển giao.

Sự can thiệp của Chính phủ cũng có ý nghĩa tăng thêm vị thế thương lượng của các doanh nghiệp trong nước... Điều này từng được Nhật Bản sử dụng trong những năm 1950 và 1960, sau này được một số nước đang phát triển chú ý học tập.

- *Quy định tạo thuận lợi cho bên trong.* Có những quy định cụ thể có lợi cho doanh nghiệp trong nước khi nhập công nghệ từ bên ngoài.

Trước khi gia nhập WTO, trong quy định của Trung Quốc có một số yêu cầu áp đặt lên các nhà chuyển giao công nghệ nước ngoài như thời hạn trả tiền bản quyền bị hạn chế, các nghĩa vụ cam kết rất nghiêm ngặt và các thủ tục thông qua về luật pháp khá phức tạp. Sau khi gia nhập WTO (tháng 12/2001), những quy định này được điều chỉnh mang tính ôn hòa hơn, đồng thời vẫn nhấn mạnh: Nhà nước sẽ áp dụng một hệ thống luật pháp thống nhất để bảo vệ một trật tự thương mại tự do và công bằng phù hợp với luật pháp.

Trong chính sách và hướng dẫn về chuyển giao công nghệ công nghiệp của Chính phủ Malaysia có những quy định thể hiện rõ lợi ích cho phía trong nước. Liên quan tới phương thức thanh toán, quy định thanh toán tiền bản quyền tất cả các hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật, bán giấy phép và bí quyết ký kết giữa hãng liên doanh Malaysia hoặc hãng của Malaysia và bất kỳ một đối tác nước ngoài nào theo cách: tiền bản quyền trả dần không vượt quá 3% doanh thu ròng, thanh toán trọn gói không vượt quá 500.000 Ringgit (MYR), thanh toán trọn gói và tiền bản quyền tổng cộng không quá 3% doanh thu ròng; hợp đồng nhãn hiệu hàng hóa và sáng chế ký kết giữa hãng liên doanh Malaysia hoặc hãng của Malaysia

và bất kỳ một đối tác nước ngoài nào liên quan đến thanh toán tiền bản quyền không vượt quá 1% doanh thu ròng của mỗi khoản mục (Doanh thu ròng được xác định như là tổng doanh thu trừ tiền lãi chiết khấu doanh thu hoặc tiền lời, chi phí vận chuyển (bao gồm tiền chuyên chở hàng hóa), bảo hiểm, thuế và các phí khác, nếu áp dụng, chi phí nguyên vật liệu, chi tiết và cấu phần nhập khẩu từ bên bán nước ngoài có liên quan, hoặc công ty con hoặc công ty liên kết). Liên quan tới thời hạn và gia hạn hợp đồng, quy định thời hạn hợp đồng cần đủ để hấp thụ toàn bộ công nghệ. Liên quan tới đào tạo, quy định điều khoản đào tạo đầy đủ cho nhân sự của hãng trong nước tại nhà máy của nhà cung cấp công nghệ, cũng như đào tạo tại chỗ trong nhà máy của hãng trong nước cần đưa vào và cụ thể hóa rõ ràng trong hợp đồng. Liên quan tới thuế, có quy định đánh thuế 10% tiền trả cho nhà cung cấp công nghệ nước ngoài và thuế này do bên nhận nước ngoài chịu.

- *Hỗ trợ tài chính.* Chính sách hỗ trợ tài chính cho nhập công nghệ từng được Chính phủ Singapore áp dụng thời kỳ những năm 1980 trở về trước. Điển hình là đã có biện pháp khuyến khích được coi là khá táo bạo liên quan tới thuế như việc nhập khẩu bằng phát minh, sáng chế, bản quyền, các máy móc, thiết bị và nguyên liệu được miễn thuế nhập khẩu.

Các chính sách ưu đãi tài chính đối với hoạt động đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới của các doanh nghiệp cũng được cho là có ảnh hưởng gián tiếp đến việc hỗ trợ doanh nghiệp nhập công nghệ. Ví dụ, Chính phủ Philippines có chính sách ưu đãi về thuế như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp với những doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế.

- *Hỗ trợ thông tin.* Những khác biệt về thông tin giữa các bên thường dẫn tới hạn chế trong các thỏa thuận. Một số nước đã xử lý vấn đề này bằng cách tạo ra những trung tâm cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp nội địa, qua đó, giảm bớt bất lợi của họ trong những cuộc thương lượng giao dịch công nghệ.

Một trường hợp điển hình là Singapore. Nhằm hỗ trợ thông tin trong hoạt động nhập công nghệ, cùng với thiết lập một hệ thống các cơ quan đại diện xúc tiến đầu tư và đổi mới công nghệ tại các nước phát triển (các cơ quan đại diện này trực tiếp xúc tiến, chọn lọc các nhà đầu tư và làm dịch vụ cho các dự án kinh doanh quốc tế của Singapore tại nước ngoài), Chính phủ Singapore còn lập ra các điểm chuyên ngành xúc tiến mua sắm công nghệ, thiết bị, máy móc phục vụ cho việc đổi mới kỹ thuật của các ngành mũi nhọn trong nền kinh tế.

- *Hỗ trợ từ phối hợp viện nghiên cứu công với doanh nghiệp.* Hỗ trợ liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp, tăng cường quan hệ của tổ

chức KH&CN nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp nhận, làm chủ công nghệ được nhiều nước tiến hành. Chính sách này có tác động nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong nhập công nghệ từ bên ngoài. Điển hình như Chính phủ Philippines đã lập ra những viện nghiên cứu và ứng dụng nhằm tập trung khai thác kỹ thuật cao hơn ở nước ngoài.

2. Chính sách khuyến khích bên ngoài chuyển giao công nghệ vào nền kinh tế

Đã có các chính sách khuyến khích những đối tượng bên ngoài tham gia chuyển giao công nghệ như:

- Chính phủ nhiều nước quy định về bản quyền và bảo vệ sở hữu trí tuệ nhằm làm yên tâm phía chuyển giao công nghệ ở nước ngoài;
- Có những quy định tăng cường vai trò, quyền của phía chuyển giao trong thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Chẳng hạn, quy định về hợp đồng chuyển giao công nghệ năm 1993 của Philippines đã cho phép trong hợp đồng có một số điều khoản hạn chế như: hạn chế phạm vi, số lượng sản phẩm và đặt giá cho sản phẩm; yêu cầu sử dụng người biết chuyên môn do bên giao công nghệ chỉ định; yêu cầu giao cho bên chuyển giao công nghệ độc quyền bán hàng; thời hạn phê duyệt hợp đồng là 2 ngày nếu là hợp đồng miễn phí hoặc là điều chỉnh hợp đồng đã đăng ký trước đó, các hợp đồng còn lại thời gian phê duyệt là 30 ngày;
- Một số nước đang phát triển thực hiện chính sách khuyến khích phía nước ngoài đầu tư vào hoạt động NC&PT ở trong nước. Điển hình là Singapore, Chính phủ ưu tiên kinh phí cho việc thành lập các công viên khoa học, trung tâm nghiên cứu và các hạ tầng KH&CN khác để thu hút nhiều công ty lớn có tầm cỡ quốc tế như IBM, Hewlett-Packard tham gia hoạt động NC&PT.

Chính phủ Singapore còn có các khuyến khích liên quan đến thuế như giảm hai lần thuế cho những phụ phí R&D của các công ty xuyên quốc gia có cơ sở nghiên cứu và phát triển của họ tại Singapore; giảm 10% thuế cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh theo hướng tự động hóa, áp dụng kỹ thuật hiện đại sẽ được miễn giảm thuế lợi tức, mức cao nhất tới 40% và trong thời hạn tới 10 năm.

- Chú trọng việc thu hút ngoại kiều. Khi còn là nước đi sau, một trong những biện pháp Nhật Bản chú ý trong du nhập công nghệ thế giới là cử người đi học hỏi thiên hạ. Kinh nghiệm Nhật Bản được nhiều nước học tập. Trung Quốc mở rộng chương trình du học các nước phương Tây (chủ yếu là Mỹ). Mục tiêu phát triển giáo dục của Trung Quốc được xác định theo 3 hướng: Giáo dục hướng về hiện đại (giáo dục nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền kinh tế); Giáo dục hướng tới tương lai (giáo

dục phải đón đầu được để đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thế giới đang vận động và phát triển); và Giáo dục hướng ra thế giới (giáo dục vừa tuân theo những đặc trưng của Trung Quốc vừa chú ý đến xu thế phát triển của khoa học, kỹ thuật và giáo dục của các nước khác trên thế giới).

3. Chính sách quản lý nhập công nghệ

3.1. Mục tiêu của quản lý và định hướng

Ngoài khuyến khích, hỗ trợ, chính phủ nhiều nước đang phát triển chú trọng quản lý, định hướng trong nhập công nghệ.

Mục đích của quản lý, định hướng đối với hoạt động nhập khẩu công nghệ là nhằm đảm bảo thông nhất giữa lợi ích cục bộ và lợi ích chung, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Đó có thể là kiểm soát tình trạng đưa công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm vào trong nước và những điều được coi là phương hại đến lợi ích quốc gia khác; đó có thể là giảm tình trạng thiếu hiệu quả của công nghệ nhập đúng trên phương diện chung của nền kinh tế.

Có thể lấy Trung Quốc làm ví dụ điển hình. Quản lý công nghệ nhập ở nước này không chỉ chú ý đến công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm,... mà còn cả nguy cơ bị thế lực bên ngoài can thiệp làm “mất đi chủ quyền kinh tế”².

Các nước đã áp dụng những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện quản lý, định hướng nhập công nghệ.

3.2. Phương thức quản lý

- Các NICs đều chú trọng việc nghiên cứu, phân loại tính chất công nghệ và đặc điểm các kênh chuyển giao để tránh nhập những “công nghệ rác”, và đi thẳng vào công nghệ hiện đại, công nghệ cao;
- Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành qui chế giám sát cần thiết để lựa chọn công nghệ tiên tiến với giá cả phù hợp. Trong đó, nhấn mạnh chuyển giao công nghệ qua đầu tư nước ngoài được thực hiện chủ yếu bằng các hợp đồng nhập khẩu công nghệ và bằng sáng chế kỹ thuật;
- Trung Quốc từng áp dụng chế độ kiểm soát chặt chẽ đối với công tác nhập khẩu công nghệ bằng các điều lệ và quy định cụ thể. Điều lệ nhập khẩu công nghệ do Hội đồng nhà nước Trung Quốc công bố ngày 20/12/1987 và Quy định chi tiết thi hành điều lệ nhập khẩu công nghệ ngày 20/01/1988 đã dựa trên nguyên tắc: Bất cứ bên giao công nghệ thuộc nước nào, bất kể nguồn vốn và cách thanh toán của bên nhận, các

² Xem thêm: Trung Quốc bắt đầu cảnh giác với đầu tư nước ngoài - Washington Post, 2/2007.

hợp đồng nhập khẩu công nghệ đều phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. Trong đó có những nội dung cơ bản như:

- + Các công ty, xí nghiệp, cơ quan, cá nhân không có quyền kinh doanh xuất nhập khẩu công nghệ thì phải nhập khẩu uỷ thác qua các công ty khác có chức năng này;
- + Bộ Thương mại và Hợp tác Kinh tế đối ngoại phê duyệt toàn bộ các hợp đồng nhập khẩu công nghệ của các dự án với các báo cáo khả thi do các Bộ, Uỷ ban, Cục thuộc Hội đồng Nhà nước phê duyệt. Thời hạn hợp đồng không quá 10 năm trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
- + Không được đưa vào hợp đồng các điều khoản ràng buộc về mua nguyên liệu, ràng buộc phải đi kèm với dịch vụ kỹ thuật, trang thiết bị bán thành phẩm, các ràng buộc hạn chế bên nhận phát triển công nghệ nhập khẩu. Tuy Chính phủ Trung Quốc vẫn cho góp vốn trong các liên doanh bằng công nghệ nhưng công nghệ đó phải đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe như: Sản xuất các sản phẩm đang có yêu cầu cấp thiết hoặc sản xuất ra các sản phẩm mới, sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu; cải thiện chất lượng và tính năng đối với các sản phẩm hiện có và nâng cao năng suất một cách rõ rệt; hoặc sử dụng với hiệu quả cao nhất nguyên, nhiên liệu hoặc năng lượng; các nhà đầu tư có thể phải chứng minh giá trị của việc đóng góp vốn bằng công nghệ bằng cách cung cấp các tài liệu hoàn chỉnh về khả năng của công nghệ đó.
- Trung Quốc và một số nước khác quy định rõ các công nghệ được phân thành ba hạng mục chính: không hạn chế, hạn chế, và cấm. Danh sách này có thể điều chỉnh theo thời gian.

3.3. Định hướng ưu tiên trong nhập công nghệ

- Đã có những định hướng ưu tiên trong nhập khẩu công nghệ được nhà nước nêu ra:
 - + Định hướng ưu tiên nhập công nghệ vào phát triển một số ngành kinh tế. Với Singapore đó là các ngành công nghệ cao; với Malaysia là ngành công nghiệp điện tử, vi tính, thông tin và viễn thông; với Đài Loan là ngành công nghiệp bán dẫn và công nghệ thông tin; với Trung Quốc là những ngành luyện kim, hóa dầu, công nghiệp hóa học, dệt, cơ khí (giai đoạn những năm 1960 - 1970) và điện tử, luyện kim và hóa dầu (giai đoạn sau năm 1980).

Công nghệ nhập thường được lựa chọn kỹ lưỡng để có thể đảm nhiệm sứ mệnh lớn lao. Ở đây kinh nghiệm của Nhật Bản thời kỳ rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với Mỹ và Tây Âu đã được các nước đang

phát triển chú ý. Tất cả các công nghệ nhập khẩu này được xem xét dựa trên kết quả nghiên cứu công phu, kỹ lưỡng tất cả các công nghệ hiện có trên thế giới về những ưu điểm so sánh giữa các công nghệ với nhau. Do việc tổ chức quản lý chặt chẽ công tác nhập khẩu và lựa chọn đúng đắn công nghệ nhập nên hiệu quả đạt được rất lớn, nhiều hợp đồng nhập khẩu trở thành nền tảng tạo nên những ngành công nghiệp mới trong nền kinh tế quốc dân, như: sáng chế về ni lông của công ty Dupont và Terilen mở ra ngành dệt bằng sợi tổng hợp; ngành công nghiệp bán dẫn; công nghiệp chế tạo vô tuyến truyền hình màu.

Không chỉ là những nỗ lực chủ quan, kinh nghiệm của các nước cho thấy hoàn toàn có thể hướng nhập công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

- + Định hướng ưu tiên nhập công nghệ vào những vùng, lãnh thổ nhất định. Ở Trung Quốc, các vùng ven biển - với ý nghĩa là nơi “làm tổ cho chim phượng hoàng vào đẻ trứng”, đã được chú trọng thu hút các dự án đầu tư nước ngoài, đi cùng với chúng là kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý;
- + Định hướng ưu tiên tập trung nhập một số công nghệ. Trung Quốc rất chú ý tập hợp nguồn lực để có được các công nghệ quan trọng trong phát triển đất nước. Chẳng hạn trong những năm 1970, sự ưu tiên tập trung vào 26 loại thiết bị cỡ lớn, với tổng số chi phí là 3,5 tỷ USD, cụ thể gồm thiết bị cắt kim loại, 13 tổ hợp thiết bị phân bón hóa học cỡ lớn, 4 tổ hợp thiết bị tơ sợi hóa học, 3 tổ hợp thiết bị hóa dầu, thiết bị phát điện 2,3 triệu KW, 43 tổ hợp thiết bị máy khai thác than tổng hợp³;
- + Định hướng nhập công nghệ vào phục vụ phát triển công nghệ nội sinh và phục vụ phát triển kinh tế. Các nước NICs và Trung Quốc, Malaysia đã kết hợp chặt chẽ giữa nhập công nghệ và sáng tạo công nghệ trong nước. Chính phủ các nước này tăng cường đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển với mục tiêu phát triển và hoàn thiện các công nghệ được du nhập từ nước ngoài.

Nhập công nghệ ở Trung Quốc gắn chặt với phát triển sản xuất và mở rộng thị trường. Con đường “thích ứng chuyển đổi” công nghệ nước ngoài của Trung Quốc được thực hiện theo một chu trình gồm ba giai đoạn: đầu tiên, thu hút đầu tư nước ngoài để lắp ráp sản phẩm, gia công theo thiết kế chế tạo gốc; tiếp theo, thông qua các quan hệ liên kết, liên doanh để chuyển sang sản xuất trong nước các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao và vẫn giữ nguyên thương hiệu gốc của

³ Nguồn: Thư viện KCN và China Import Technology: Policy and Performance, Commercial Technology Transfers to the People's Republic of China, 12/9/2006.

các tập đoàn nước ngoài; cuối cùng, tiến tới sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao nhờ các liên kết, liên doanh nhưng do Trung Quốc tự thiết kế và mang thương hiệu riêng của Trung Quốc. Có thể thấy, con đường để tiếp cận công nghệ mới của Trung Quốc cũng có phần giống với Nhật Bản, đó là bắt chước công nghệ và “thích ứng chuyển đổi” nó. Bằng cách đó, Trung Quốc đã trở thành “mô hình” mẫu về “sản xuất hàng nước ngoài ở trong nước” để tiêu thụ ở nước ngoài. Với cách đi đó mà ngày nay sản phẩm của Trung Quốc đã có mặt tại hầu khắp các nước trên thế giới, kể từ những sản phẩm có hàm lượng lao động giản đơn cao như quần áo, giày dép, đồ chơi trẻ em..., đến những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như ô tô, xe máy, tivi, tủ lạnh, máy điện toán,... Thậm chí, nhiều xí nghiệp tại các nước phát triển cũng đã phải chịu thất bại trước hàng giá rẻ của Trung Quốc.

- Định hướng nhập công nghệ của Nhà nước được thực hiện bằng nhiều biện pháp:
 - + Xây dựng và thực thi các định hướng chiến lược liên quan tới nhập công nghệ. Chính phủ Singapore thường xuyên theo dõi những hoạt động KH&CN để có thể cập nhật thông tin và tiếp cận kịp thời những công nghệ tiên tiến nhất của thế giới hiện có, thường xuyên tổ chức tập hợp ý kiến của các chuyên gia công nghệ trong nước, đồng thời, sử dụng tích cực hệ thống chuyên gia tư vấn về công nghệ của nước ngoài để từ đó hoạch định về chính sách phát triển công nghệ tầm trung và dài hạn;
 - + Gắn kết chặt chẽ định hướng nhập công nghệ với định hướng phát triển KH&CN và định hướng phát triển kinh tế của đất nước. Trung Quốc đã lập các kế hoạch tổng hợp cấp quốc gia, coi đó là chiến lược triển khai công nghệ dài hạn trong KH&CN, trong kinh tế trên phạm vi toàn quốc. Ngay từ năm 1952, hai nhiệm vụ trọng tâm có quan hệ chặt chẽ với nhau trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là phát triển kinh tế và nhập khẩu thiết bị, công nghệ của Liên Xô cũ. Kết quả trên thực tế là phát triển công nghiệp nặng được thúc đẩy trên cơ sở nhập khẩu công nghệ quy mô lớn (được gọi là “bùng nổ” về nhập khẩu công nghệ lần thứ nhất trong thập kỷ 50).

4. Nâng cao năng lực nhập công nghệ trong nước

Năng lực nhập công nghệ trong nước bao gồm: năng lực mua công nghệ (nhập được công nghệ), năng lực sử dụng công nghệ nhập, năng lực cải tiến công nghệ nhập và năng lực sáng tạo công nghệ nội sinh từ công nghệ

nhập. Kinh nghiệm của các nước đã khẳng định ý nghĩa của các năng lực này. Mặt khác, từ thực tế cũng cần rút ra một số điểm đáng chú ý.

Một là, vai trò quan trọng của nhập công nghệ và nỗ lực tiến hành nhập công nghệ được hầu hết các nước đang phát triển xác định và thực hiện, tuy nhiên, vẫn hình thành những khác biệt về kết quả trên thực tế. Ngoài các khác biệt về số lượng - thể loại - trình độ công nghệ nhập, mức độ sử dụng hiệu quả công nghệ nhập, mức độ cải tiến và sáng tạo công nghệ nhập; còn có khác biệt về tác động rộng lớn của công nghệ nhập đến phát triển kinh tế nói chung và KH&CN nói riêng, ảnh hưởng của sử dụng công nghệ nhập, phát triển công nghệ nhập tới thay đổi vị thế trong chuyên gia công nghệ với bên ngoài.

Khác biệt thứ hai rất đáng nhấn mạnh bởi phản ánh xa hơn, cao hơn, cơ bản hơn ý nghĩa, mục tiêu của nhập công nghệ ở các nước đang phát triển.

Có được công nghệ bên ngoài và từ công nghệ đó tạo dựng nên ngành kinh tế mới cạnh tranh với thế giới sẽ khác xa với việc có được công nghệ từ bên ngoài và sử dụng công nghệ bên ngoài để tạo ra một số sản phẩm trong nước.

Dựa trên công nghệ bên ngoài để tạo ra những sản phẩm mang thương hiệu trong nước xâm nhập vào thị trường thế giới sẽ khác xa với việc sử dụng công nghệ nhập làm các sản phẩm gia công cho nước ngoài.

Từ công nghệ nhập phát triển các công nghệ nội sinh phù hợp với hoàn cảnh, định hướng phát triển của đất nước sẽ khác xa với việc cải thiện trình độ công nghệ trong nước nhờ bổ sung thêm bộ phận công nghệ ngoại vào hệ thống công nghệ cũ.

Việc làm chủ, phát triển công nghệ nhập để tạo nên vị thế mới trong quan hệ chuyển giao công nghệ với bên ngoài (mối quan hệ ở đây là nhập công nghệ để nhằm sử dụng có hiệu quả vào sản xuất kinh doanh và phát triển công nghệ nhập; đồng thời, phát triển công nghệ nhập, sáng tạo công nghệ nội sinh có tác dụng tạo vị thế mới trong giao dịch công nghệ với bên ngoài. Các tác động lẫn nhau hình thành những vòng xoáy tròn ốc phát triển...) sẽ khác xa với việc cố gắng làm tốt từng hoạt động và tách rời nhau, hoặc chỉ dừng lại ở tác động tuyến tính (giữa nhập - sử dụng - cải tiến - ...).

Mục tiêu nhập công nghệ là có được thứ vũ khí tấn công lại bên ngoài, khác xa với mục tiêu có được công cụ chỉ để giảm bớt tình trạng lạc hậu trong nước.

Cho đến nay, mới có một số trường hợp hiếm hoi đạt được thành công như NICs, Trung Quốc, Malaysia,... Đó là những trường hợp không chỉ nhập được công nghệ mình cần (và mong muốn), sử dụng công nghệ nhập vào phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, từ công nghệ nhập sáng tạo được công nghệ nội sinh,... mà còn từng bước cải thiện vị thế trong quan hệ chuyển giao công

nghệ quốc tế. Đó là những ví dụ khẳng định luận điểm tương chừng như hảo huyền: mục tiêu hướng tới không phải là tăng mối quan hệ ràng buộc mà là hướng tới quan hệ bình đẳng, dần thoát khỏi sự phụ thuộc bên ngoài.

Hai là, thành công của một số nước là nhờ có được những năng lực mà các nước khác không có. Ngoài những gì được nói tới trong năng lực công nghệ, còn nổi bật một số năng lực sau:

- Nguồn kinh phí tập trung dành cho hoạt động nhập công nghệ, làm chủ công nghệ nhập và cải tiến, sáng tạo công nghệ là rất lớn và không ngừng tăng lên. Để đảm bảo nguồn lực này, vấn đề không chỉ là có được lượng lớn ngoại tệ mà còn cần sự đồng thuận trong đầu tư mua công nghệ. Kinh nghiệm cho thấy, cách tối ưu là sử dụng số ngoại tệ thu về thông qua việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa được tạo ra từ công nghệ nhập. Chẳng hạn, theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc, đã có một sự gia tăng mạnh về nhập khẩu công nghệ trong giai đoạn Kế hoạch 5 năm lần thứ 10, từ 2001 - 2005. Trị giá nhập khẩu công nghệ đạt 70 tỷ USD trong vòng 5 năm, chiếm gần một phần ba tổng trị giá nhập khẩu công nghệ kể từ khi Trung Quốc bắt đầu cải cách và mở cửa nền kinh tế trong những năm 1980⁴. Tuy nhiên, nhập khẩu công nghệ chỉ chiếm một phần nhỏ bé, nếu so với trị giá xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao (vốn một phần đáng kể nhờ vào nhập khẩu công nghệ) của nước này. Trung Quốc còn thu được ngoại tệ từ cả xuất khẩu công nghệ. Kim ngạch xuất khẩu công nghệ của Trung Quốc tăng rất nhanh: Năm 1989 là 880 triệu USD, năm 1990 là 990 triệu USD, năm 1991 là 1,28 tỷ USD, năm 1993 là 2,17 tỷ USD, năm 1995 là 1,51 tỷ USD, năm 2003 là khoảng 5 tỷ USD⁵,...
- Các nước đang phát triển cần có năng lực về NC&PT để phục vụ nhập khẩu công nghệ từ bên ngoài. Năng lực NC&PT có tác dụng trong tìm hiểu công nghệ cần nhập, địa phương hóa công nghệ nhập, cải tiến nâng cấp công nghệ nhập và phát triển công nghệ nội sinh. Một trong những điều nổi bật của các nước NICs và Trung Quốc đặt vấn đề phát triển tiềm lực NC&PT khá sớm và hướng NC&PT vào giải quyết các vấn đề nhập công nghệ;
- Việc sử dụng công nghệ nhập mang lại các giá trị kinh tế đòi hỏi phải có cả các năng lực về tiếp thị, quản lý chất lượng,...

⁴ The Role of Technological Development in China's Industrialization and Economic Growth, www.gwu.edu, 2/2002; Chinese Civil Law Forum, 30/1/2007.

⁵ Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. (2005) *Kinh nghiệm quốc tế trong việc thúc đẩy quá trình tiếp nhận và chuyển giao công nghệ*. Tổng luận Khoa học - Công nghệ - Kinh tế, số 3, tr. 27.

- Ở tầm vĩ mô, năng lực về chính sách của nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng. Thành công trong nhập công nghệ phụ thuộc vào những chính sách vừa kiên quyết vừa khéo léo, vừa toàn diện vừa cụ thể, vừa linh hoạt vừa rõ ràng,... Phải có năng lực nhất định để xây dựng và thực thi các chính sách đó.

Ba là, năng lực công nghệ cần nâng cao theo yêu cầu của nhập công nghệ. Có mối quan hệ tương quan giữa nhập công nghệ và năng lực nhập công nghệ. Mức độ thành công của nhập công nghệ tương ứng với mức độ của năng lực nhập công nghệ và mức độ tích hợp các loại năng lực nhập công nghệ. So với phần còn lại, các nước thành công trong nhập công nghệ như NICs, Trung Quốc vừa có mức độ năng lực nhập công nghệ cao hơn và vừa có nhiều loại năng lực nhập công nghệ hơn.

5. Sự linh hoạt trong chính sách về nhập công nghệ

Thường có những thay đổi về chính sách nhập công nghệ của mỗi nước. Ở đâu chính sách nhập công nghệ càng cụ thể, rõ ràng thì sự thay đổi càng nổi bật, điển hình như:

- Chính sách nhập công nghệ của Hàn Quốc từng trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn đầu Nhà nước quản lý chặt chẽ quá trình nhập khẩu công nghệ để hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp tạo lập cơ sở ban đầu cho việc tiếp nhận và làm chủ công nghệ nhập khẩu; Giai đoạn thứ hai là nói lỏng sự can thiệp của Nhà nước dành nhiều quyền chủ động cho các doanh nghiệp trong việc lựa chọn và nhập khẩu công nghệ; Giai đoạn thứ ba là giảm tới mức tối đa sự can thiệp của Nhà nước vào các nội dung nhập khẩu công nghệ. Nhà nước chỉ quản lý nhập khẩu công nghệ bằng các tiêu chuẩn kỹ thuật, mà chủ yếu là các quy định về môi trường, còn các tiêu chuẩn khác thì doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ tự chịu trách nhiệm trước quyết định của mình;
- Ở Trung Quốc, thời gian đầu các chính sách nhập khẩu công nghệ đã cho phép các doanh nghiệp có thể nhập khẩu các công nghệ có trình độ thấp; sau đó yêu cầu công nghệ nhập khẩu phải nâng cao hướng tới đạt được trình độ của thế giới;
- Đối tượng ngành ưu tiên nhập công nghệ thay đổi theo thời gian: danh mục các ngành công nghiệp hóa học, dệt, cơ khí có tên trong giai đoạn những năm 1960-1970 nhưng không có tên trong giai đoạn sau năm 1980.

- Các quy định mang nặng tính áp đặt đối với các chủ thể chuyên giao công nghệ từ bên ngoài đã được thay đổi sau khi Trung Quốc gia nhập WTO⁶;
- Một trong những thay đổi cơ bản trong chính sách nhập công nghệ của Philippines là các quy định về chuyển giao công nghệ (nằm trong Luật Đầu tư nước ngoài ban hành ngày 15/03/1993). Các quy định mới đã làm cho việc chuyển giao công nghệ vào Philippines dễ dàng và hấp dẫn hơn;
- Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc chuyển từ nhập khẩu công nghệ mang tính học hỏi sang nhập công nghệ phục vụ phát triển sáng tạo công nghệ trong nước.

Xu hướng thay đổi thường tập trung vào vai trò nổi bật của nhà nước từ chỗ người bảo vệ cho doanh nghiệp trong nước, giám hộ cho lợi ích bên trong chuyển sang gần hơn vai trò trọng tài giữa hai bên trong các giao dịch chuyển giao công nghệ.

Từ sự hình thành và thay đổi chính sách nhập công nghệ của các nước cho thấy một số điểm nổi bật. *Thứ nhất*, thực tế luôn có mâu thuẫn giữa các bên trong chuyển giao công nghệ. Nghiêng về lợi ích của một phía sẽ ảnh hưởng tới lợi ích của phía còn lại và mọi ảnh hưởng lợi ích sẽ tác động kìm hãm chuyển giao công nghệ. Mặc dù tồn tại quan hệ mâu thuẫn phức tạp, ở mỗi thời điểm vẫn cần có các chính sách cụ thể. Chính sự hình thành và phát huy tác dụng của các chính sách nhập khẩu công nghệ ở một số nước cho phép khẳng định có thể tổng hợp các lợi ích trong chuyển giao công nghệ dưới hình thức những giải pháp chính sách rõ ràng. Sự cân bằng được

⁶ Với việc Trung Quốc gia nhập WTO vào ngày 11/12/2001, Chính phủ nước này đã cam kết gỡ bỏ các quy định trước đây áp đặt những trách nhiệm nặng nề và gây hạn chế đối với các nhà chuyên giao công nghệ nước ngoài. Vào cuối tháng 12/2001, Hội đồng Nhà nước và Bộ Hợp tác Kinh tế và Thương mại Nước ngoài (MOFEC) đã ban hành các luật lệ và quy định mới trong một nỗ lực nhằm thích ứng các quy định về xuất/nhập khẩu công nghệ của Trung Quốc phù hợp với yêu cầu của WTO. Tuân theo quy định hậu WTO này, các giao dịch nhập khẩu công nghệ trở nên ít bị lệ thuộc hơn vào sự kiểm soát của chính quyền cả về thủ tục lẫn quyền hạn. Trong các quy định hậu WTO, lời nói chính trị nhấn mạnh đến các nghĩa vụ của các nhà chuyên giao công nghệ nước ngoài cũng đã giảm đi. Quy định trước đây yêu cầu rằng, công nghệ nhập khẩu cần phải là công nghệ tiên tiến và thích hợp nay đã được thay bằng cách nói ôn hòa hơn rằng Chính phủ khuyến khích tầm quan trọng của công nghệ tiên tiến và thích hợp. Mặc dù vẫn có quy định chung công nghệ nhập khẩu cần có lợi cho sự phát triển của Trung Quốc, quyền hạn và lợi ích của Trung Quốc sẽ được bảo vệ, nhưng các tiêu chuẩn chi tiết về công nghệ nhập khẩu được nêu trong các quy định trước WTO nay đã bị xóa bỏ.

Ngoài ra, có một điều khoản mới đã được bổ sung vào các quy định xuất/nhập khẩu công nghệ. Điều khoản này quy định rằng, Nhà nước sẽ áp dụng một hệ thống luật pháp thống nhất để bảo vệ một trật tự thương mại tự do và công bằng cho phù hợp với luật pháp.

Các quy định của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO đã lược bỏ những thủ tục cồng kềnh. Các công nghệ được phân thành ba hạng mục chính: không hạn chế, hạn chế, và cấm. MOFEC chịu trách nhiệm công bố danh mục các công nghệ rơi vào hạng mục hạn chế hoặc cấm, danh sách này có thể điều chỉnh theo thời gian. Ngày 30/12/2001 MOFEC đã công bố một danh mục các công nghệ được coi là hạn chế và cấm nhập khẩu có độ dài chỉ hai trang giấy. Phạm vi giới hạn và cấm nhập khẩu công nghệ rất hẹp, chỉ bao gồm chưa đến một tá các hạng mục công nghệ. Công nghệ bị cấm nhập khẩu chủ yếu là các công nghệ hạng thấp gây ô nhiễm trong lĩnh vực luyện kim và hóa chất, còn các công nghệ bị hạn chế là một vài công nghệ đã lạc hậu trong các lĩnh vực công nghiệp truyền thống (Xem thêm: *The Role of Technological Development in China's Industrialization and Economic Growth*, www.gwu.edu, 2/2002; *Chinese Civil Law Forum*, 30/1/2007).

tạo ra trên cơ sở so sánh tương quan về lợi ích, vị thế của các bên trong bối cảnh nhất định và theo quan điểm chủ quan nhất định. Chẳng hạn, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước được đặt trong phạm vi cần thiết và với bối cảnh cho phép.

Thứ hai, sự cân bằng được đặt trong chính sách nhập công nghệ không thể ổn định bền vững theo thời gian. Tương quan về lợi ích, vị thế của các bên thay đổi và quan điểm chủ quan cũng có thể thay đổi, đòi hỏi phải có những điều chỉnh chính sách.

Kinh nghiệm lịch sử của các nước chỉ ra những nhân tố chủ yếu tác động đến thay đổi chính sách nhập công nghệ như sau:

- *Phù hợp với trình độ bên trong đã phát triển*: Mức độ trưởng thành của doanh nghiệp trong nước, tiềm lực công nghệ nội sinh được tăng cường cho phép giảm bớt sự can thiệp hỗ trợ của Nhà nước; khả năng tài chính đủ mạnh tạo điều kiện cho các nước nhập công nghệ thực hiện các hình thức trao đổi công nghệ mang tính bình đẳng hơn; thay đổi của định hướng phát triển kinh tế đặt ra nhiệm vụ mới đòi hỏi nhập công nghệ đáp ứng;
- *Phù hợp với bối cảnh*: gia nhập các tổ chức quốc tế phải điều chỉnh theo luật chơi của từng loại tổ chức. Thực chất những quy định của các tổ chức quốc tế cũng là kết quả của những cuộc đấu tranh, thỏa hiệp giữa các thế lực. Với WTO, hiện các nước phát triển chiếm ưu thế và nhiều quy định có lợi cho họ. Các nước đang phát triển gia nhập WTO sẽ phải gỡ bỏ một số quy định áp đặt đối với các nước xuất khẩu công nghệ;
- Điều chỉnh, rút kinh nghiệm qua thực tế. Sự điều chỉnh chính sách nhập công nghệ có thể là kết quả của việc rút kinh nghiệm từ những thất bại trong thực tế và thay đổi nhận thức nhằm tìm kiếm những giải pháp hiệu quả hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia. (2005) *Kinh nghiệm quốc tế trong việc thúc đẩy quá trình tiếp nhận và chuyển giao công nghệ*. Tổng luận Khoa học - Công nghệ - Kinh tế, Số 3/2005.
2. Kenichi Ohno. (2007) *Phát triển kinh tế của Nhật Bản - Con đường đi lên từ một nước đang phát triển*. Diễn đàn phát triển Việt Nam.

Tiếng Anh:

3. Iammarino, Simona and Jonathan Michie. (1998) *The Scope of Technological Globalisation*. International Journal of the Economics of Business, Vol 5, No: 3/1998.

4. Bee-Yan Aw. (2002) *Accumulating technology and location spillovers among firms in Taiwan's electronics industry*. The Journal of Development Studies. London: Oct 2002, Vol.39.
5. Technology Transfer. (2003) *Intellectual Property Rights: Implications for Development*. UNCTAD-ICTSD Project on IPRs and Sustainable Development Policy, paper 8.
6. *Policy and performance, commercial technology transfers to the People's Republic of China*, 12/9/2006.

